

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã)

Thôn dự kiến sắp xếp	Tên thôn	Diện tích (ha)	Số hộ	Dân số	Số hộ sau sắp xếp	Nhân khẩu	Dự kiến tên thôn sau sắp xếp		Dự kiến nhà văn hóa (thôn hiện tại)	Ghi chú	Diện tích sau sắp xếp (ha)
							Tên cũ có yếu tố lịch sử	Tên đề xuất			
1	Thôn 1	754	498	1,841	954	3,902	Long Xuyên + 5B	Tân Long 1	Thôn 1	Sáp nhập 3 thôn	1368,95
	Thôn Bù Ka 1	369,35	112	636			Bù Ka 1				
	Thôn 5A	245,6	344	1,425			Thôn 5A				
2	Thôn 6	377,3	252	1,009	974	3,811	Mỹ Long	Tân Long 2	Thôn 7	Sáp nhập 3 thôn	2022,3
	Thôn 7	960,2	339	1,388			Mỹ Long				
	Thôn 8	684,8	383	1,414			Tân Lập				
3	Thôn 4	232,5	386	1,707	1078	4,283	Hà Thanh	Tân Long 3	Thôn 4	Sáp nhập 3 thôn	1225
	Thôn 9	399,9	404	1,574							
	Thôn Thanh Long	592,6	288	1,002			Thôn 11				
4	Thôn 10	253,1	362	1,643	743	3,465	Quốc Long	Tân Long 4	Thôn 11	Sáp nhập 3 thôn	1281,6
	Thôn 11	636,3	237	935							
	Thôn Phú Mang 1	392,2	144	887			Phu Mang 1				
5	Thôn Phú Mang 3	1098,2	137	591	834	3,447	Sóc ông Đề	Tân Long 5	Thôn 2	Sáp nhập 3 thôn	3481
	Thôn Bù Ka 2	1452,4	243	975			Sóc bà Thao				
	Thôn 2	930,4	454	1,881			Thôn 12				
6	Thôn Long Tân 1	515,81	382	1,416	1376	5,336	1	Tân Long 6	Long Tân 3	Sáp nhập 4 thôn	3375,34
	Thôn Long Tân 2	817,6	394	1,540			2				
	Thôn Long Tân 3	1121,87	303	1,081			3				
	Thôn Long Tân 6	920,06	297	1,299			6				
7	Thôn Long Tân 4	1012,07	441	1,489	1079	4,015	4	Tân Long 7	Long Tân 5	Sáp nhập 3 thôn	4084,06
	Thôn Long Tân 5	872,33	489	1,909			5				
	Thôn Long Tân 7	2199,66	149	617			7				
Tổng: 07 thôn			7038	28259	7038	28259			0	0	16838,25

